

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày 09/02/2026
V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Tô Hùng Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 -
Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2025/TLST-
DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phước H, sinh năm 1997. Chủ hộ kinh doanh của
hàng T1. Địa chỉ thường trú: khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ ấp
V, xã V, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phước H: Bà
Phan Thị Quốc A, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng
mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lâm N, sinh năm 1966 (có đơn vắng mặt)

2. Bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1963 (có đơn vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và
tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phước H -
Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 là chị Phan Thị Quốc A trình bày:*

Nguyên bà Hữu Thị Q – Chủ hộ Kinh doanh Đại lý T1 (T1) đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh Đại lý T1 1 sang cho bà Ngô Thị Cẩm T theo văn bản thỏa thuận ký ngày 19/3/2024. Nay, bà Ngô Thị Cẩm T - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý T1 (T1) đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh Đại lý T1 sang cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 theo văn bản thỏa thuận ký ngày 09/9/2025. Vào ngày 08/03/2022 bà Thạch Thị Đ và hộ kinh doanh T1 có ký kết hợp đồng mua bán. Theo đó, Tân Quang M bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1, G và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông N và bà Đ để nuôi tôm đến cuối vụ thanh toán dứt điểm cho Tân Quang M.

Trong quá trình giao dịch, ông N và bà Đ nợ Hộ Kinh doanh Đại lý T1 tổng số tiền là 316.475.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ ký ngày ngày 25 tháng 06 năm 2024. Đến nay, Hộ Kinh doanh Đại lý T1 đã liên hệ làm việc nhiều lần yêu cầu ông N và bà Đ trả nợ nhưng ông N và bà Đ không thực hiện đúng cam kết, không có thiện chí thanh toán dứt điểm công nợ. Nay, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 yêu cầu Tòa án buộc ông N và bà Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền 367.286.801 đồng (trong đó, nợ gốc là 316.475.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 09/02/2026 là 50.811.801 đồng).

Theo bị đơn bà Thạch Thị Đ trình bày: Bà Đ xác định bà Đ và ông N có mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản nhiều năm của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1, đến ngày 08/3/2022 bà Đ có ký tên hợp đồng mua bán với Tân Quang M, đến ngày 25/6/2024 bà Đ có ký đối chiếu công nợ với Tân Quang M, bà Đ thừa nhận bà và ông N còn nợ Tân Quang M số tiền 316.475.000 đồng. Do nuôi tôm thất bại nên vợ chồng bà chưa thanh toán nợ cho Tân Quang M. Nay bà đồng ý cùng ông N thanh toán cho Tân Quang M số tiền 316.475.000 đồng và lãi phát sinh.

Đối với bị đơn ông N không có lời trình bày, lý do Tòa án mời đến Tòa lấy lời khai nhưng ông N không đến, đến nhà lấy lời khai ông N không có nhà.

Tại phiên tòa:

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1, buộc ông N và bà Đ thanh toán số tiền gốc mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy là 316.475.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày 01/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà Đ được miễn án phí theo quy định do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Phước H-Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện yêu cầu ông Thạch Q1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông N và bà Đ có nơi cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Phước H-Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện yêu cầu ông N và bà Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, chị Phan Thị Quốc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn ông N và bà Đ có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị Quốc A và ông N và bà Đ là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông N và bà Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 09 tháng 02 năm 2026 là 367.286.801 đồng (trong đó, nợ gốc là 316.475.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 09/02/2026 là 50.811.801 đồng) thấy rằng:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 cung cấp hợp đồng mua bán, bảng đối chiếu xác nhận công nợ của bà Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ thống nhất thừa nhận: Hiện nay, bà Đ và ông N có nợ ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 số tiền gốc 316.475.000 đồng. Sự thừa nhận của bà Đ phù hợp với Bảng đối chiếu xác nhận công nợ do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, việc thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, có xảy ra trên thực tế và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Mặc dù, Bảng đối chiếu xác nhận công nợ do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án chỉ có bà Đ ký tên với Hộ Kinh doanh T1; Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy việc mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản là để phục vụ kinh tế chung trong gia đình, đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc ông N và bà Đ cùng liên đới có trách nhiệm thanh toán nợ theo yêu cầu của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1. Căn cứ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1. Buộc ông N và bà Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền nợ là 367.286.801 đồng (trong đó, nợ gốc là 316.475.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 09/02/2026 là 50.811.801 đồng).

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với ông Q1 được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí. Ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đã nộp tạm ứng án phí 8.865.000 đồng tại biên lai thu số 0006258 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại. Ông N và bà Đ phải chịu số tiền án phí 18.364.340 đồng. Tuy nhiên, ông N, bà Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên ông N và bà Đ được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với ông Lâm N và bà Thạch Thị Đ về tranh chấp hợp đồng mua bán.

2. Buộc ông Lâm N và bà Thạch Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền 367.286.801 đồng (trong đó, nợ gốc là 316.475.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 09/02/2026 là 50.811.801 đồng).

Kể từ ngày 10/02/2026, ông N và bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc 316.475.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 8.865.000 đồng tại biên lai thu số 0006258 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau

Ông N và bà Đ được miễn toàn bộ án phí, do ông N, bà Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn miễn án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 - Cà Mau;
- Phòng THADSKV 7- Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thụy Lan Chi